

# ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TỔNG QUÁT

## 1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT

**Tên học phần (tiếng Việt):** Anh văn 1

**Tên học phần (tiếng Anh):** English 1

**Mã học phần:**

**Mã tự quản:** 14200201

**Thuộc khối kiến thức:** Giáo dục đại cương

**Đơn vị phụ trách:** Trung tâm Ngoại ngữ - Khoa Ngoại ngữ

**Số tín chỉ:** 3 (3,0)

**Phân bố thời gian:**

– Số tiết lý thuyết : 45 tiết

– Số tiết thí nghiệm/Thực hành (TN/TH) : 00 tiết

– Số giờ tự học : 90 giờ

**Điều kiện tham gia học tập học phần:**

– Học phần tiên quyết: Không;

– Học phần học trước: Không;

– Học phần song hành: Không.

## 2. THÔNG TIN GIẢNG VIÊN

STT [1]	Họ và tên [2]	Email [3]	Đơn vị công tác [4]
1.	ThS. Nguyễn Thị Kim Anh	anhntk@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ
2.	ThS. Nguyễn Văn Đạt	datnv@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ
3.	ThS. Lê Vũ Ngân Hà	halvn@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ
4.	ThS. Trịnh Thu Hằng	hangtt@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ
5.	ThS. Ngô Thị Ngọc Hạnh	hanhntn@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ
6.	ThS. Nguyễn Thanh Hiền	hiennt@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ
7.	ThS. Tống Thị Huệ	huett@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ
8.	ThS. Nguyễn Giang Hương	huongng@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ
9.	ThS. Phan Thị Thanh Hương	huongpntt@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ
10.	ThS. Nguyễn Thị Mai Hương	huongntm@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ
11.	ThS. Lý Công Khanh	khanhlc@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ
12.	ThS. Trần Thị Trang Loan	loanttt@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ
13.	ThS. Giang Trúc Mai	maigt@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ
14.	ThS. Trần Tín Nghị	ngहितt@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ
15.	ThS. Đặng Thị Hồng Nhung	nhungdth@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ
16.	ThS. Phạm Ngọc Sơn	sonpn@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ

<b>STT [1]</b>	<b>Họ và tên [2]</b>	<b>Email [3]</b>	<b>Đơn vị công tác [4]</b>
17.	TS. Đinh Văn Sơn	sondv@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ
18.	ThS. Võ Thị Thu Thảo	thaovtt@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ
19.	ThS. Trần Thị Quý Thu	thuttq@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ
20.	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Trân	tranntn@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ
21.	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	xuyennt@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ

### 3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này trang bị cho sinh viên năng lực ngoại ngữ đáp ứng được trình độ A1 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam theo quy định của thông tư 01/2014/TTBGDDT trong học tập, nghiên cứu tài liệu nước ngoài và cơ hội tìm việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Học phần tập trung nâng cao trình độ ngoại ngữ theo 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết với sự tham gia giảng dạy và hướng dẫn của giáo viên nước ngoài trong 1/3 chương trình. Học phần có sử dụng platform online cho việc tự học ở nhà của sinh viên với thời lượng 90 tiết.

### 4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

<b>Mục tiêu [1]</b>	<b>Mô tả mục tiêu [2]</b>	<b>Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo [3]</b>	<b>Trình độ năng lực [4]</b>
G1	Lấy/ cho ví dụ các điểm ngữ pháp ở mức độ tiền sơ cấp; thông thạo những từ và cụm từ thường sử dụng trong tiếng Anh cơ bản và ngữ cảnh tiếng Anh giao tiếp trong các hoàn cảnh xã hội.	PLO11.1	3
G2	Làm đúng các bài tập Nghe hiểu theo các chủ đề, nội dung chi tiết của bài nghe; Áp dụng chính xác các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội; luyện tập các kỹ năng đọc hiểu; viết về những chủ đề đơn giản.	PLO6, PL011.1	3
G3	Lên kế hoạch tự học và kiểm tra tiến độ làm bài tập workbook online trên hệ thống My ELT.	PLO12, PLO13, PLO14, PLO15	3

### 5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Chuẩn đầu ra (CDR) chi tiết của học phần (\*) như sau:

<b>Mục tiêu học phần [1]</b>	<b>CDR học phần [2]</b>	<b>Mô tả chuẩn đầu ra [3]</b>	<b>Trình độ năng lực [4]</b>
G1	CLO1.1	Phân biệt được các điểm ngữ pháp ở mức độ tiền sơ cấp, cụ thể có thể thành thạo các nội dung như sau: các dạng câu hỏi WH, các loại động từ, đại từ, sở hữu cách, thì hiện tại, thì quá khứ, v.v	3

	CLO1.2	Lấy/cho ví dụ những từ và cụm từ thường sử dụng trong tiếng Anh cơ bản và ngữ cảnh tiếng Anh giao tiếp trong các hoàn cảnh xã hội.	3
<b>G2</b>	CLO2.1	Làm đúng được các bài nghe trọng âm, hậu tố, cách nối từ, các tình huống giao tiếp cơ bản v.v; Nghe hiểu, nắm bắt chủ đề, nội dung chi tiết của bài nghe để từ đó hoàn thành các bài tập điền từ để hoàn thành câu, đoạn văn; trả lời câu hỏi; nối câu hỏi với câu trả lời đúng, v.v	3
	CLO2.2	Thực hiện được các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như giới thiệu bản thân, chào hỏi, trao đổi thông tin cá nhân; học các từ, cụm từ theo ngữ cảnh để có thể giao tiếp trong các tình huống đặc biệt; trình bày sở thích, hỏi xin phép, đưa ra các đề nghị; thể hiện sự hứng thú và mong muốn tiếp tục cuộc hội thoại v.v;	3
	CLO2.3	Minh họa cách dùng từ trong các tình huống cụ thể; làm quen với những văn bản, bài báo, chương trình truyền hình được diễn đạt bằng ngôn ngữ đơn giản; luyện tập các kĩ năng đọc hiểu (đọc nhanh để tìm ý chính và đọc kĩ để tìm thông tin chi tiết).	3
	CLO2.4	Xây dựng câu bằng cách sắp xếp từ, nối cụm từ; chọn từ phù hợp để hoàn tất nội dung cho sẵn; viết tiếp câu dựa trên phần có sẵn; đặt câu hỏi với từ cho sẵn; viết về những chủ đề đơn giản như gia đình, thói quen hằng ngày, sự kiện đặc biệt trong năm, v.v	3
<b>G3</b>	CLO3.1	Nhận thức được tầm quan trọng của môn học; Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử; Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp và các bài tập tuần;	3
	CLO3.2	Xây dựng và lên kế hoạch tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu;	3
	CLO3.3	Kết hợp các kỹ năng đã học vào các hoạt động trên lớp.	3

(\*) Các CDR học phần được xây dựng dựa trên việc tham khảo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam theo quy định của thông tư 01/2014/TTBGDĐT

## 6. NỘI DUNG HỌC PHẦN

### 6.1. Phân bố thời gian tổng quát

STT [1]	Tên chương/bài [2]	Chuẩn đầu ra của học phần [3]	Phân bố thời gian (tiết/giờ) [4]			
			Tổng	Lý thuyết	TN/TH	Tự học
1.	An Introduction to English 1	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3, CLO2.4, CLO3.1, CLO3.2, CLO3.3	9	3	0	6
2.	Unit 7: Journeys	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3, CLO2.4, CLO3.1, CLO3.2, CLO3.3	18	6	0	12
3.	Unit 8:	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1,	18	6	0	12

STT [1]	Tên chương/bài [2]	Chuẩn đầu ra của học phần [3]	Phân bố thời gian (tiết/giờ) [4]			
			Tổng	Lý thuyết	TN/TH	Tự học
	Appearance	CLO2.2, CLO2.3, CLO2.4, CLO3.1, CLO3.2, CLO3.3				
4.	Unit 9: Film and the arts	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3, CLO2.4, CLO3.1, CLO3.2, CLO3.3	18	6	0	12
5.	Unit 10: Science	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3, CLO2.4, CLO3.1, CLO3.2, CLO3.3	18	6	0	12
6.	Unit 11: Tourism	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3, CLO2.4, CLO3.1, CLO3.2, CLO3.3	18	6	0	12
7.	Unit 12: The Earth	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3, CLO2.4, CLO3.1, CLO3.2, CLO3.3	18	6	0	12
8.	Speaking Test	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3, CLO2.4, CLO3.1, CLO3.2, CLO3.3	18	6	0	12
<b>Tổng</b>			<b>135</b>	<b>45</b>	<b>0</b>	<b>90</b>

## 6.2. Nội dung chi tiết của học phần

### Unit 7: Journeys

7A. Flight of the Silver Queen

7B. Animal migrations

7C. The longest journey in space 1A. Explorers

7D. How was your trip

7E. The digital nomad

7F. Women in space

Review Unit 7

### Unit 8: Appearance

8A. The faces of festivals

8B. Global fashion

8C. In fashion or for life?

8D. The photos of Reinier Gerritsen

8E. How R U? 😊 tks

8F. Festivals and special events

Review Unit 8

**Unit 9: Film and the arts**

9A. All roads film festival

9B. People in film and arts

9C. Nature in art

9D. Making arrangements

9E. It looks amazing!

9F. Camera traps

Review Unit 9

**Unit 10: Science**

10A. Technology has changed our lives

10B. How well can you remember?

10D. Problems with technology

10E. Please leave a message after the tone

10F. Memory and language learning

10C. Why haven't scientists invented it?

Review Unit 10

**Unit 11: Tourism**

11A. Going on holiday

11B. Planning a holiday

11C. Should I go there?

11D. A holiday in South America

11E. Your feedback

11F. Mecca and the Hajj

Review Unit 11

**Unit 12: The Earth**

- 12A. Climate change
- 12B. Exploring the Earth
- 12C. Looking for a new Earth
- 12D. Earth Day
- 12E. Planning an event
- 12F. Volcanoes
- Review Unit 12
- Revision

## 7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Thang điểm đánh giá: 10/10
- Kế hoạch đánh giá học phần cụ thể như sau:

Hình thức đánh giá [1]	Thời điểm [2]	Chuẩn đầu ra học phần [3]	Tỉ lệ (%) [4]	Rubric [5]
<b>Đánh giá quá trình học tập</b>			<b>50</b>	
Chuyên cần	Suốt quá trình học	CLO3.1, CLO3.3	10	I.1
Online Workbook	Suốt quá trình học	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO2.3, CLO2.4, CLO3.1, CLO3.2	10	I.4
Bài kiểm tra trên lớp theo hình thức tự luận	Khi học Unit 5	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3, CLO2.4, CLO3.1, CLO3.2	10	I.2
Bài kiểm tra Speaking (với giáo viên nước ngoài)	Khi học Unit 6	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3, CLO2.4, CLO3.1, CLO3.2	20	I.3
<b>Đánh giá kết thúc học phần</b>			<b>50</b>	
Thi Trắc nghiệm	Sau khi kết thúc học phần	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO2.3, CLO2.4, CLO3.1, CLO3.2	50	Theo thang điểm của đề thi

## 8. NGUỒN HỌC LIỆU

### 8.1. Sách, giáo trình chính

[1] Hughes, J., Stephenson, H., & Dummett, P., (2017). *Life A1-A2*. National Geographic Learning.

## **8.2. Tài liệu tham khảo**

- [1] Jack, C. R. (2003). *Tactics for Listening (Developing)*. Oxford: Oxford University Press.
- [2] Mark H. (2003). *English Pronunciation in Use*. Cambridge: Cambridge University Press.
- [3] Raymond, M. (2005). *English grammar in use*. Cambridge: Cambridge University
- [4] Redston, C. & Cunningham, G. (2012). *Face2face*. Cambridge: Cambridge University Press
- [5] Thomson, A. J. & Martinet, A. V. (1986). *A Practical English Grammar*. Oxford: Oxford University Press.

## **9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN**

### ***9.1. Quy định về tham dự lớp học***

Sinh viên thực hiện theo Quyết định số 02/ QĐ-KNN ngày 11 tháng 07 năm 2019 về việc ban hành Quy định về điểm danh tham dự lớp đối với các nhóm lớp chính quy do Khoa ngoại ngữ quản lý của Trường khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp.HCM. (Xem chi tiết tại địa chỉ website: <http://knn.hufi.edu.vn/quy-dinh-ve-viec-diem-danh-tham-du-20190719182109000article>)

### ***9.2. Quy định về hành vi lớp học***

- Sinh viên thực hiện theo Quyết định số 1879/ QĐ-DCT ngày 25 tháng 11 năm 2016 về việc ban hành Quy định về văn hóa và quan hệ công sở của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp.HCM (Download tại: <https://drive.google.com/file/d/1g0hbmH1SrvCOREzMwPFnaIvVGFyPZWpc/view?usp=sharing>);

- Sinh viên thực hiện theo Quyết định số 1293/QĐ-DCT ngày 21 tháng 11 năm 2019 về việc ban hành Nội quy học đường Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp.HCM. (Download tại: <https://drive.google.com/file/d/1m9Wul9UES8eMgcvwSxb1leIOu3Ma8aX/view?usp=sharing>).

### ***9.3. Quy định về học vụ***

Sinh viên thực hiện theo Quyết định số 1603/QĐ-DCT ngày 21 tháng 11 năm 2019 về việc ban hành Quy chế Đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp.HCM (Xem chi tiết: <http://egov.hufi.edu.vn/quy-che-quy-dinh-nha-truong/quy-che-dao-cao-theo-he-thong-tin-chi-he-dai-hoc-504.html>);

## 10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Phạm vi áp dụng: Đề cương này được áp dụng cho chương trình đào tạo trình độ đại học từ khóa 11DH;
- Giảng viên: Sử dụng đề cương học phần tổng quát này làm cơ sở để biên soạn đề cương học phần chi tiết phục vụ giảng dạy, biên soạn bộ đề thi, kiểm tra;
- Sinh viên: Sử dụng đề cương học phần tổng quát này làm cơ sở để biết các thông tin về học phần, từ đó xác định nội dung học tập và chủ động lên kế hoạch học tập phù hợp nhằm đạt được kết quả mong đợi;
- Đề cương học phần tổng quát học phần Anh văn 1 được ban hành kèm theo chương trình đào tạo và công bố đến các bên liên quan theo quy định.

## 11. PHÊ DUYỆT

Phê duyệt lần đầu

Phê duyệt bản cập nhật lần thứ: 3

**Ngày phê duyệt:** 25/08/2020

*Trưởng khoa*

*Chủ nhiệm học phần*

Trần Tín Nghị

Trần Tín Nghị